

Trang Nhà Quảng Đức



Mật Tông

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1132 (Tr.570 _ Tr.575)

KIM CƯƠNG VƯƠNG BỒ TÁT BÍ MẬT NIỆM TỤNG NGHI QUỸ _MỘT QUYỂN_

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giác, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BÁT KHÔNG phụng chiếu dịch Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta thương xót tất cả người cầu Đẳng Giác, hoặc chẳng biết Pháp Du Già bí mật mau thành Phật, nơi A Tăng Kỳ kiếp của ba đời chịu khó hành các Khổ Hạnh mà chẳng đến Vô Thượng Bồ Đề. Do Ta thương xót cho nên ở trong trăm ngàn Tụng của Kim Cương Đỉnh lược nói **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Tự Tính Thành Tựu Pháp Thân Kim Cương Giới Đại Viên Kính Trí Lưu Xuất Tha Thọ Dụng**, tên khác là **Kim Cương Vương Bồ Tát Niệm Tụng Nghi Quỹ**. Dùng ba Mật tu hành nhóm Đại Ấn hay khiến cho Bồ Tát hành Chân Ngôn mau chứng địa vị Đẳng Giác của Như Lai, đắc được **Tát Bà Nhược Trí** (Nhất Thiết Trí Trí), trụ **Đại Phổ Hiền Địa**; ở cõi sinh tử không tận, điều phục tất cả hữu tình đều khiến an trú Vô Thượng Bồ Đề mà không có mệt mỏi

Tiếp nên chọn lựa, thông đạt **Kim Cương Đỉnh Du Già A Xà Lê**, cầu thọ nhận **năm Bộ Quán Đỉnh** hoặc **Trì Minh Quán Đỉnh**. Nếu chẳng giải lựa chọn ắt tự rơi mất. Đã gặp vị A Xà Lê chân thật, nên sinh tưởng là Như Lai hiện ra, hết thấy vật dụng thượng diệu của Thế Gian đều nên phụng hiến. Tại sao vậy? Vì Pháp Tối Thượng này được chư Phật ba đời cùng nhau tu thừa cho nên ở trong Pháp này, mỗi mỗi nên hỏi han ắt sớm hiểu Pháp **Mạn Đồ La**, Pháp **vẽ tượng**, Pháp **Tự Quán Đỉnh**, nhóm **Tức Tai...**, năm loại Bí Mật, bốn Ấn, Đại Ấn, một Ấn, Năm Trí Thành Thân, ba Mật gia trì, cúng dường bí mật... đều nên thông đạt

Bồ Tát hành Chân Ngôn nên trụ tâm Đại Bồ Đề, hết thấy công đức hồi hướng đến Quả Đẳng Giác cho nên Đại Bi lợi ích mau được thành Phật. Nếu khác với điều này thì chẳng những chẳng được Tát Địa mà còn gọi là báng tất cả Phật, quyết định rơi vào ba nẻo ác. Nếu chỗ tạo chỗ làm đều vì Bồ Đề, lợi ích hữu tình thời mọi ý cầu nguyện không gì không thành tựu.

Người hành Chân Ngôn thọ Pháp xong nên xây dựng Đạo Trường, an trí Tôn Tượng, mặc áo mới sạch, y theo Pháp Du Già bốn thời niệm tụng cho đến hai thời ắt chẳng thể nói, thường tương ứng với Tam Ma Địa ưa thích.

Phàm mới vào Đạo Trường, quỳ dài lễ Phật, dùng hai tay như hoa sen hé nở. Đây gọi là **Tịnh Khí Giới Chân Ngôn Ấn**. Chân Ngôn là:

Ấn, la nho bá nghiệt đa, tát phộc đạt mạc

𧰨 全冗扔丫半 屹楠叻𧰨

* OM – RĀJA UPAGATAḤ SARVA DHARMA

Chẳng sửa Ấn trước, tụng **Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn** gia trì bốn chỗ. Chân Ngôn là (Ấy là: trái tim, vầng trán, (?Thiếu cổ họng) rồi bung tán trên đỉnh đầu)

Ấn, sa-phộc bà phộc du đạt, tát phộc đạt ma, sa-phộc bà phộc, du độ hám

𧰨 辱矢向 圩益 屹楠 叻𧰨 辱矢向 圩𧰨曳

* OM – SVABHĀVA 'SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA 'SUDDHA UHĀM

Tiếp liền kết **Kim Cương Khởi Ấn**. Hai tay nắm Kim Cương Quyền, Đàn Tuệ (2 ngón út) trợ móc nhau, Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng dính cạnh đầu ngón . Muốn kết Ấn này, trước tiên ở hai tay, tim, lưỡi quán chày Ngũ Trí Kim Cương, nâng Ấn lên ba lần, tụng Chân Ngôn này cảnh giác tất cả Như Lai tận hư không giới. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-lô để sắt-xá

𧰨 向忝 凸𧰨

* OM – VAJRA TIṢṬA

Mỗi lần nâng lên, tụng một biến.

Liên quán chư Phật nhiều như số cát của sông Hằng tràn khắp hư không giới. Sau đó duỗi dài hai cánh tay ở trên đỉnh đầu, kết Kim Cương Hợp Chưởng duỗi dài hai chân, để thân sát đất , lễ Đức **Bất Động Như Lai** ở phương Đông, đem thân phụng hiến. Chân Ngôn là:

Ấn, tát phộc đát tha nghiệt đa, bố tổ, bát sa-tha năng-dã, đát-ma nam, niết lý-dã đa, dạ di, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la tát đát-phộc, địa sắt-xá, sa-phộc hàm, hồng

𧰨 屹漚凹卡丫凹 𧰨介 扔辱左仲撻𧰨 市淘凹 仲亦 屹漚 凹卡丫凹 向忝屹班囚𧰨 𧰨伐 𧰨

* OM – SARVA TATHĀGATA PŪJA PASVANĀYA ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRASATVA ADHIṢṬA SVĀMAM – HŪM.

Tác niệm như vậy: “*Vì muốn thừa sự, cúng dường tất cả Như Lai cho nên nay con hiến thân của mình, nguyện xin tất cả Như Lai thương xót*”

Lai thủ rút hai chân, đem Kim Cương Hợp Chưởng để ở trên trái tim, đặt vầng trán sát đất lễ Đức **Bảo Sinh Như Lai** ở phương Nam , đem thân phụng hiến. Chân Ngôn là:

Ấn, tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ, tỳ sái ca dã, đát-ma nam, niết lý-dãđa, dạ di, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la, la đát-năng, tỳ sẩn tả, sa-phộc hàm, đát-lạc

𧰨 屹漚 凹卡丫凹 𧰨仄石守乙仲撻𧰨 市淘凹 仲亦 屹楠 凹卡丫凹 向忝先寒 𧰨石𧰨弋 𧰨伐 𧰨

* OM – SARVA TATHĀGATA PŪJA ABHIṢAIKĀYA ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-RATNA ABHIṢIṢCA SVĀMAM – TRĀḤ.

Tác niệm như vậy:”*Vì muốn cúng dường tất cả Như Lai, cầu thỉnh Quán Đỉnh. Nay con phụng hiến thân của mình, nguyện xin tất cả Như Lai dùng báu Kim Cương quán đỉnh cho con*”

Lại chấp tay để ở trên đỉnh đầu, đặt miệng sát đất, lễ Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** ở phương Tây, đem thân phụng hiến. Chân Ngôn là:

Ấn, tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ, bát-la mặt đát năng dã, đát-ma nam, niết lý-dã đa, dạ di, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la đạt ma, bát-la mặt lý đá dã, hàm, cật-lợi

𨮒 屹漚 凹卡丫凹 𨮒介 盲向彎左仲撻脍 市洵凹 仲帆 屹漚 凹卡丫凹 向忝叻猥
盲向攢伏 伐 獺

* OM – SARVA TATHAGATA PÙJA PRAVARTTANÀYA ATMANÀM NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHAGATA VAJRA DHARMA PRAVARTTÀYA MAM – HRÌH.

Tác niệm như vậy: "Nay con triển chuyển cúng dường tất cả Như Lai cho nên phụng hiến thân của mình. Nguyên xin tất cả Như Lai vì con mà chuyển bánh xe Pháp Kim Cương"

Lại đem Kim Cương Hợp Chưởng để ở trên trái tim, để đỉnh đầu sát đất, lễ Đức **Bất Không Thành Tự Như Lai** ở phương Bắc, phụng hiến. Chân Ngôn là:

Ấn, tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ, yết ma ni, a đáp-ma nam, niết lý-dã đa, dạ di, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la, yết ma, câu lỗ, hàm, ác.

𨮒 屹漚 凹卡丫凹 𨮒介一猥仗 挑撻脍 市洵凹 仲亦 屹漚 凹卡丫凹 向忝一猥 乃冰
伐 獺

* OM – SARVA TATHAGATA PÙJA KARMAṆI ATMANÀM NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHAGATA VAJRA KARMA KURU MAM – AH.

Tác niệm như vậy: "Nay con vì cúng dường tất cả Như Lai làm sự nghiệp cho nên phụng hiến thân của mình. Nguyên xin tất cả Như Lai vì con làm sự nghiệp Kim Cương"

Tiếp đặt đầu gối phải sát đất, kết **Kim Cương Trì Ấn**. Đem Ấn để ở trên đỉnh đầu, tưởng lễ khắp bàn chân của tất cả Như Lai với Bồ Tát, bên trái úp bên phải ngửa, ngón cái ngón út trợ móc nhau. Đây là **Trì Ấn**. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, vật

馮 向忝 醜

OM VAJRA VÌH

Tiếp **Tùy Hỷ, Khuyển Thỉnh**

Hồi Hương với **Phát Nguyên**

Sau đó ngồi Bán Già

Hai tay Kim Cương Quyền

Đặt trên hai đầu gối

Tim, lưỡi với hai tay

Chữ **Hồng** (𨮒_HÙM) tỏa kim quang (ánh sáng vàng ròng)

Giống như Bà Già Phạm (Bhagavam: Đức Thế Tôn)

Trụ ở tướng **Thuyết Pháp**

Thân ở vắng trắng tịnh

Như bày gương sáng, ngồi

Sáng tỏ khắp Pháp Giới

Tịnh khắp giới hữu tình

Liên dùng mắt **Ma** (𨮒_MA) **Tra** (𨮒_T)

Nhìn Phật ở hư không

Xoay chuyển nhìn tám phương

Bung bắn lửa Kim Cương

Kết Giới với **Tịch Trừ**

Nơi chốn thành Kim Cương (cái thành Kim Cương)

Tiếp trụ bốn **Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa**. Ở trong vành trăng nơi trái tim, quán Yết Ma

Kim Cương, dùng tâm **Đại Bi** chặt đứt tất cả khổ của hữu tình, quán bánh xe Yết Ma vòng khắp Pháp Giới. Chân Ngôn là:

Ấn, ma ha ca lố noa dã, tát-pha la

𑖀 互扣 乙冰仕伏 剎先

* OM – MAHÀ KÀRUṆAYA SPHARA

Tiếp vận tâm **Từ**, dùng bánh xe Yết Ma vòng khắp Pháp Giới, ban cho vô lượng niềm vui . Chân Ngôn là:

Ấn, ma ha mỗi đễ-ly-dạ, tát-pha la

𑖀 互扣 伊注伏 剎先

* OM – MAHÀ MAITRIYA SPHARA.

Tiếp dùng tâm **Hỷ** vận chuyển bánh xe Yết Ma vòng khắp Pháp Giới. Chân Ngôn là:

Ấn, tát phộc du đà, bát-la mẫu na, tát-pha la

𑖀 屹培 圩益 盲伏叻 剎先

* OM – SARVA ‘SUDDHA PRAMODA SPHARA

Tiếp vận tâm **xả** , chuyển bánh xe Yết Ma vòng khắp Pháp Giới thành tựu Đại Xả. Chân Ngôn là:

Ấn, ma hô bế cật-sái, tát-pha la

𑖀 互旭本朽 剎先

* OM – MAHÀ UPEKṢA SPHARA.

Tiếp kết **Kim Cương Hợp Chưởng Ấn**. Hai tay, mười ngón , bên phải đè bên trái trợ giao nhau liền thành. Tụng **Kim Cương Hợp Chưởng Chân Ngôn** là:

Ấn, phộc nhật-lan, nhạ lý

𑖀 向怪仄印

* OM – VAJRAM JALI

Tức dùng **Ấn** trước liền làm **Kim Cương Phộc**, tụng **Kim Cương Phộc Chân Ngôn** là:

Ấn, phộc nhật-la, mẫn đà

𑖀 向忝向神

* OM – VAJRA BANDHA.

Tiếp kết **Khai Tâm Ấn**. Trước hết ở trên vú phải tưởng chữ **Đát-La** (𑖀-TRA) , trên vú trái an chữ **Tra** (𑖀-T). Tưởng hai chữ này như cánh cửa, dùng **Phộc Ấn** trước vỗ trên trái tim, kéo mở ba lần. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, mẫn đà, đát-la tra

𑖀 向忝向神 泣誑

* OM _ VAJRA BANDHA TRAT

Tiếp ở trước mặt khoảng một khuỷu tay, quán hoa sen tám cánh, ở trên hoa ấy để chữ **Ấc** (𑖀-AḤ) phóng ánh sáng lớn như màu trắng của thủy tinh . Liền dùng **Kim Cương Phộc** ló hai Phong (2 ngón trỏ) như vịn lấy chữ ấy để trong **Tâm Điện** (cung điện ở trái tim). Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, phệ xá, ác

𑖀 向忠甩在 珙

* OM – VAJRA AVI'SA AH

An chữ ấy xong, trải qua như vậy tại trái tim

Tiếp dùng Kim Cương Phộc, kèm co hai Không (2 ngón cái) vào lòng bàn tay, đều co hai Phong (2 ngón trỏ) trụ ở lưng hai Không (2 ngón cái). Dem Ấn chạm vào lồng ngực. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, mẫu sắt-trí, hàm

𨮒 向忝觜洫 圳

* OM – VAJRA MUṢṬI VAM

Dùng Ấn đó che đóng cửa trái tim (tâm môn), tưởng chữ ấy trụ rõ ràng.

Tiếp kết **Phổ Hiền Tam Ma Gia Ấn**. Kim Cương Phộc, duỗi hợp hai Hỏa (2 ngón giữa). Tụng một biến Chân Ngôn là:

Ấn, tam ma gia, tát-dát-tông

𨮒 屹互伏 雋

* OM – SAMAYA STVAM

Tiếp kết **Duyệt Hỷ Tam Ma Gia Ấn**. Như Phộc trước, đưa Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) hợp giao trong lòng bàn tay, đều hợp dựng Địa (ngón út) Không (ngón cái). Dùng mũi tên Đại Dục này bắn hạt giống của ba Thừa ấy. Chân Ngôn là:

Ấn, tam ma gia, hộc, tố la đa, tát-dát-tông

𨮒 屹互伏 赳 鉏先凹 雋

* OM – SAMAYA HOḤ SURATA STVAM

Tiếp kết **Thắng Tam Thế Ấn**. Hai tay đầu nắm Kim Cương Quyền, Đan Tuệ (2 ngón út) cùng móc lưng nhau, đều dựng thẳng hai Phong (2 ngón trỏ). Chân Ngôn là:

Ấn, tổn bà, ninh tổn bà, hồng, ngật-lý hận-noa, nhật-lý hận noa, hồng, ngật-lý hận-noa, bá dã, hồng, a năng dã, hộc, bà nga tông, phộc nhật-la, hồng phán tra.

𨮒 鉏 帆 市 鉏 帆 嫗 銚 猷 銚 猷 嫗 銚 猷 扔 伏 嫗 玅 巧 伏 赳 矛 丫 圳 向 忝 嫗 民 誑

*) OM SUMBHA NISUMBHA HŪM _GRHṆA GRHṆA HŪM _ GRHṆA PAYA HŪM_ ĀNAYA HOḤ BHAGAVAM VAJRA HŪM PHAṬ.

Dem Ấn đó xoay bên trái thành **Tịch Trừ**, xoay bên phải thành **Kết Giới**.

Tiếp kết **Định Ấn**. Hai tay cài chéo nhau bên ngoài, ngửa lên để dưới rốn, đem Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn Thiên Trí (2 ngón cái). Chân Ngôn là:

Ấn, tam ma địa, bát nạp-minh, hột-lợi

𨮒 屹 交 囚 悝 檣 獠

OM SAMÀDHI PADME HRÌḤ

Ngồi thẳng thân ngay ngắn, tác suy tư này: "Tất cả các Pháp đều khởi từ Tâm của mình, từ xưa đến nay đều không có sở hữu"

Nhập vào **Tịch Diệt Định** xong, tức lại quán trong hư không có vô số chư Phật giống như Đại Địa tràn đầy thành hạt mè chẳng thể nói số lượng. Thời chư Phật ấy đều duỗi bàn tay phải, búng ngón tay cảnh giác, bảo Hành Giả rằng: "Này Thiện Nam Tử ! Chỗ chứng của người là một Đạo thanh tịnh, chưa chứng biến Nhất Thiết Trí, cần phải nghĩ nhớ tâm Bồ Đề, thành tựu tất cả Hạnh Nguyên của Phổ Hiền"

Hành Giả nghe cảnh giác xong, tự quán thân của mình, ở trước mặt chư Phật, mỗi mỗi làm lễ rồi bạch Phật rằng: "Thế nào gọi là Tâm Bồ Đề ?"

Chư Phật bảo rằng: "Người quán **Tự Môn** trong tâm, Bản Tính thanh tịnh như trăng tròn sạch" rồi truyền Chân Ngôn là:

Án, chất da, bát-la để phê đặng, ca lỗ di

𑖀 才柰 盲凸吒尼 一刎亦

OM – CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

Hành Giả nương theo sự chỉ dạy, tụng thầm (mặc tụng) một biến. Liền quán tâm của mình như trăng tròn sạch.

Bấy giờ chư Phật lại nói rằng: "Thiện Nam Tử ! Tâm Bồ Đề có Thể Tướng như điều này"

Lại truyền Chân Ngôn là:

Án, mạo địa chất đa mẫu đất-ba na, dạ di

𑖀 回囚才柰觜痈叨 仲亦

OM – BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Hành Giả tụng thầm một biến xong, tác suy tư này: "Tâm Bồ Đề có Thể Tính bền chắc"

Liền ở trên vành trăng quán chày **Ngũ Trí Kim Cương**. Chân Ngôn là:

Án, để sắt-xá, phộc nhật-la

𑖀 凸洎 向忝

OM – TIṢṬA VAJRA

Quán Kim Cương giống như màu vàng ròng, phóng ánh sáng Tịnh ngay trong vành trăng giống như Thủy Tinh, trong ngoài sáng tỏ. Lại quán Phộc Nhật-La (Kim Cương) này rộng lớn vòng Pháp Giới. Chân Ngôn là:

Án, tát-pha la, phộc nhật-la

𑖀 剌先 向忝

OM – SPHARA VAJRA

Lại quán Phộc Nhật-La dần dần thu nhỏ lại ở ngay trong hư không, các Như Lai hợp đồng một Thể ngang bằng thân của mình rồi dừng lại. Chân Ngôn là:

Án, tăng hạ la, phộc nhật-la

𑖀 戍成先 向忝

OM – SAMHARA VAJRA

Lại nên tác suy tư này: "Nay Thân này của Ta thành thân Kim Cương". Chân Ngôn là:

Án, phộc nhật-la, đất-ma, câu hám

𑖀 向忠撻人曳

OM – VAJRA ATMAKA UHAM

Tự biết **Ngũ Trí Kim Cương** đó, ắt lại biến thành thân Bản Tôn. Thân có bốn cánh tay, bên trên: hai trụ đầu làm thế mũi tên; bên dưới: giữa tay phải ngang trái tim cầm chày Kim Cương, tay trái nắm Kim Cương Quyền an cạnh eo lưng bên trái cầm cái chuông Kim Cương, cau mày, miệng mỉm cười, màu trắng, đội mũ Ngũ Phật, mặc quần lụa đào, áo khoác ngoài (Thiên Y) , ngồi Bán Già trên hoa sen trong vành trăng.

Liền kết **Căn Bản Án**. Hai tay nắm Kim Cương Quyền, ngược Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng móc nhau, tức là Án ấy, tụng Chân Ngôn là:

Tra chỉ, hồng, nhạ

𑖀 赳 獨 切

ṬAKKI HŪM JAḤ

Dem Án gia trì trái tim, vầng trán, cổ họng, đỉnh đầu. Bốn nơi xong

Liên kết **Kim Cương Giới Tự Tại Ấn**. Kiên Cố Phộc, duỗi hai Hỏa (2 ngón giữa) co phần đầu cùng vịn nhau, duỗi hai Phong (2 ngón trỏ) phụ lưng. Chân Ngôn là:

Ấn, bộ khiếm

罽 飾 丈

OM BHUḤ KHAM

Nên đem Ấn an ở trên đỉnh đầu, tụng Chân Ngôn trước.

Tiếp lại an vâng trán. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, tát đát-phộc

𨮒 向 忝 屹 玆

OM – VAJRA-SATVA

Tiếp an bên phải đỉnh đầu. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, la đát-na

𨮒 向 忝 先 湓

OM – VAJRA-RATNA

Tiếp an phía sau đỉnh đầu. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, đạt ma

𨮒 向 忝 叻 𨮒

OM – VAJRA-DHARMA

Tiếp an bên trái đỉnh đầu. Chân Ngôn là;

Ấn, phộc nhật-la, yết ma

𨮒 向 忝 一 𨮒

OM – VAJRA-KARMA

Tiếp đưa Kim Cương Quyền ngang trán, chia ra hướng sau đỉnh đầu, duỗi hai Phong (2 ngón trỏ) cùng quấn nhau ba lần. Liên từ Địa Luân (ngón út) buông ra, từ hai vai hạ xuống làm thế đeo vòng hoa. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, ma lệ, tỵ sấn giả, hàm

𨮒 向 忝 交 同 晒 石 翅 旄 𨮒

OM VAJRA MÀLE ABHISIṂCA MÀM

Tiếp tưởng hai chữ **Ấn** (𨮒- OM) **Châm** (𨮒-TUM) tại mặt của hai Phong (2 ngón trỏ). **Ấn** bên phải, **Châm** bên trái, tuôn ra ánh sáng màu xanh lục như rút sợi của ngó sen. Liên dùng sợi dây xanh lục ở trên trái tim quấn quanh ba lần. Tiếp lưng, lỗ rốn, hai đầu gối. Lại lùi về rốn, tiếp sau eo lưng, tiếp trái tim, tiếp hai vai phải trái, tiếp cái cổ, tiếp vâng trán, tiếp đỉnh đầu. Sau liền như thế rũ áo ngoài lúc trước và tụng hai chữ **Ấn Châm**

𨮒 𨮒

OM TUM

Tiếp kết **Hỷ Khế**. Kim Cương Phộc vỗ ba lần. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, đồ sử-dã, hộc

𨮒 向 忝 加 併 𨮒

OM – VAJRA TUṢYA HOḤ

Tức quán chữ **Hộc** (赳- HOḤ) trong vành trăng tịnh biến làm Bản Tôn, liền kết **Kim Cương Nhập Ấn**. Phộc (Kim Cương Phộc Ấn) xong, kèm hai Không (2 ngón cái) vào trong lòng bàn tay. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la tát đát-phộc, ác

𨮒 向忝屹玆 珙

OM – VAJRASATVA AH

Lại tụng Chân Ngôn này là:

Ấn, phộc nhật-la tát đát-phộc, niết-lý xá đã

𨮒 向忝屹玆 吽京

OM – VAJRASATVA DR‘SYA

Tiếp dùng bốn **Ấn** bốn **Minh** triệu nhập vào thân. Dùng **Duyệt Hỷ Tam Muội Gia** trước, hai Hỏa (2 ngón cái) làm bốn **Nhiếp**. Chân Ngôn là:

Nhược, hồng, tông, hộc

切獨圳赳

JAḤ HÙM VAM HOḤ

Nơi quán lúc trước là **Pháp Thân**, nay nơi quán là **Trí Thân**, cùng hợp nhau biểu thị cho một **Thế**. Tiếp nên dùng **Tâm Cúng Dương Môn** này trang nghiêm Thế Giới

Trong Đàn , quán sen trắng

Cộng Kim Cương diệu sắc

Tám cánh đũa râu nhụy

Mọi báu tự trang nghiêm

Tuôn vô lượng ánh sáng

Trăm ngàn chúng sen vây

Trên ấy, lại quán tưởng

Tòa Sư Tử Đại Giác

Dùng Bảo Vương trang sức

Ngay trong cung điện lớn

Cây báu bày thành hàng

Khắp nơi có phượng, lọng

Nhóm chuỗi ngọc xen nhau

Rũ treo áo báu diệu

Tuôn khắp mưa Tạt Hoa (đủ loại hoa)

Thơm phức trang nghiêm đất

Hòa vận Thiên Diệu Thanh (tiếng màu nhiệm của cõi Trời)

Hợp tấu các âm nhạc

Trong cung tưởng Tịnh Diệu

Hiền Bình với Ất Già

Cây hoa báu hé nở

Đèn Ma Ni chiếu sáng

Đất Tam Muội Tổng Trì

Thái Nữ của Tự Tại

Phật Ba La Mật Đẳng

Bồ Đề, hoa Diệu Nghiêm

Phương tiện làm chúng Kỹ (người nữ ca múa)

Ca vịnh âm Diệu Pháp

Dùng sức Công Đức Ta

Sức Như Lai gia trì

Cùng với sức Pháp Giới

Cúng dường khắp mà trụ

Liên tụng **Đại Hư Không Khố Minh** . Chân Ngôn là:

An, nga nga na, tam bà phộc, phộc nhật-la, hộc

唵 丫 丫 矧 戍 砒 傑 傑 忝 赳

OM GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOḤ

Tụng ba lần thì Thiện Nguyên đã sinh đều được thành tựu

Tiếp ở trong Đàn, trên Tòa Sư Tử trong vành trăng, quán chữ **An** (𑖆-OM) làm **Bản Tôn**.

Ở trước mặt Tôn an chữ **Ma** (𑖇-MA) làm **Ý Sanh Kim Cang** (Manoja-vajra)

Bên phải an chữ **Hạ** (𑖈-HÀ) làm **Kế Lý Chỉ La Kim Cang** (Kilikila-Vajra) .

Phía sau an chữ **Tô** (𑖉-SU) làm **Ái Lạc Kim Cang** (Ràga-vajra)

Bên trái an chữ **Khư** (𑖊-KHA) làm **Ý Khí Kim Cang** (Màna-vajra)

Ở góc Tây Bắc an chữ **Phộc** (𑖋-VA) làm **Ý Sanh Kim Cang Nữ** (Manoja-vajrinì)

Ở góc Đông Bắc an chữ **Nhật-La** (𑖌-JRA) làm **Kế Lý Chỉ Lê Kim Cang Nữ** (Kilikile-vajrinì)

Ở góc Đông Nam an chữ **Tát** (𑖍-SA) làm **Ái Lạc Kim Cang Nữ** (Ràga-vajrinì)

Ở góc Tây Nam an chữ **Đát-Phộc** (𑖎-TVA) làm **Ý Khí Kim Cang Nữ** (Màna-vajrinì)

Trong cửa Đông an chữ **Nhược** (𑖏-JAḤ) làm **Sắc Bồ Tát** (Rùpa Bodhisatva).

Trong cửa Nam an chữ **Hồng** (𑖐-HUM) làm **Thanh Bồ Tát** ('Sabda Bodhisatva).

Trong cửa Tây an chữ **Tông** (𑖑-VAM) làm **Hương Bồ Tát** (Gandha Bodhisatva).

Trong cửa Bắc an chữ **Hộc** (𑖒-HOḤ) làm **Vị Bồ Tát** (Rasa Bodhisatva).

Viện ngoài, góc Tây Bắc an chữ **Tố** (𑖓-SU) làm **Thời Xuân Bồ Tát** (Vasanta-bodhisatva)

Góc Đông Bắc an chữ **La** (𑖔-RA) làm **Thời Vũ Bồ Tát** (Varṣa-bodhisatva)

Góc Đông Nam an chữ **Đa** (𑖕-TA) làm **Thời Thu Bồ Tát** ('Sarad-bodhisatva)

Góc Tây Nam an chữ **Tát-đát-tông** (𑖖-STVAM) làm **Thời Đông Bồ Tát** (Hemanta-bodhisatva)

Tiếp, ở trái tim của Tượng vẽ an chữ **Án** (𑖇_ OM), hai bên chữ này an chữ **Nhược** (𑖏 _ JAḤ) thành **Bản Tôn**. Liên kết Ấn của nhóm **Câu, Sách, Tỏa, Linh** để nghinh thỉnh

Hai tay Kim Cương Quyển

Ngược Địa Luân (ngón út) móc nhau

Hai Phong (2 ngón trỏ) đều ngay thẳng

Co Hữu Phong (ngón trỏ phải) như câu (móc câu)

Kết xong tụng Chân Ngôn

Hữu Phong (ngón trỏ phải) với ba lần

Đây là **Kim Cương Câu**

Liên tụng Chân Ngôn là:

An, phộc nhật-la củ thế, nhược

𢀛 向𢀛乃在切

OM – VAJRA AMKU‘SA - JAḤ

Chẳng sửa Ấn lúc trước

Mặt hai Phong (2 ngón trở) hợp nhau

Ép nhau như cái vòng

Đây là **Kim Cương Sách**

Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, bả xả, hồng

𢀛 向𢀛扒在𢀛

OM – VAJRA PÀ‘SA – HÙM

Chẳng sửa nơi Sách Ấn

Ngược hai Phong (2 ngón trở) móc nhau

Đây là **Kim Cương Tỏa**

Liên tụng Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, tát-phổ tra, tông

𢀛 向𢀛厘巴圳

OM – VAJRA SPHOṬA – VAM

Chẳng sửa Ấn trước đây

Hai Địa (2 ngón út) với hai Phong (2 ngón trở)

Đều khiến hợp mặt ngón

Đây là **Kim Cương Linh**

Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, kiện tra, hộc

𢀛 向𢀛孑埤 𢀛

OM – VAJRA GHAMṬA HOḤ

Do kết **Kim Cương Câu**

Tức liền hàng Bản Tôn

Do **Kim Cương Sách Ấn**

Hay dẫn nơi Thánh Giả

Do **Kim Cương Tỏa Ấn**

Liên hay khiến dừng đứng

Do kết **Kim Cương Linh**

Hay vui thích chữ Thánh

Tiếp nên hiến **Ất Già**. Dùng Kim Cương Hợp Chưởng Ấn, đặt ngang cạnh bàn tay, hướng bên trái, dùng Chân Ngôn, đầu dùng đũa vật khí ấy rồi phụng hiến. Chân Ngôn là:

Ấn, bả la ma tố khư xả dã, sa la lý đa, năng ma đái lật sa la nhĩ đa năng ma, nhĩ, bà nga vãn, đam, nhược, hồng, tông, hộc, hệ, bát-la để xa, cú tố mạn, nhạ bội năng thác

𢀛 扔先互鉏刀在伏 屹匡印凹 合匠屹巧亦匆嗣 交 亦 矛丫圳 仟 切 嫗 嶧 𢀛
扛 扛 扛 扛 盲刊欸 乃鉏施 介印嗟卡

OM PARAMASUKHÀ‘SAYA _ SALALITA _ VILÀSANAMITAURNA MÀ MI
BHAGAVAM TAM _ JAḤ HÙM VAM HOḤ _ HI HI HI HI _ PRATÌCCHA _ KASUMÀM
JALIRNÀTHÀ

Tiếp đem Kim Cương Quyền bên trái đặt bên cạnh eo lưng, ngửa Kim Cương Quyền bên phải ngang trái tim. Chân Ngôn là:

Hộc, phộc nhật-la, tát-đát-tông, tác đa la, tát-đát-tông

赳 向忝屹玆 鉏先凹 焦

HOḤ _ VAJRASATVA SURATA STVAM

Liên dùng **Kim Cương Vương Ấn**, đem quyền trái làm thế cầm cây cung, bên phải làm thế dẫn mũi tên. Đây là **Ý Sinh Kim Cương Ấn**. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, tát-đát-phệ, hồng

赳 向忝屹珞 猪

OM _ VAJRA SATVE HÙM

Tiếp đem hai Kim Cương Quyền, bên phải đè bên trái, giao cánh tay ôm ngực. Đây là **Kế Lý Chỉ La Kim Cương Ấn**. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, kế lý cát lê

赳 向忝七印七同

OM _ VAJRA KÌLIKÌLE

Tiếp đem Kim Cương Quyền bên trái nâng cùi chỏ phải, dựng quyền phải như tướng cây phương. Đây là **Ái Kim Cương Ấn**. Chân Ngôn là:

Ấn, la nhật-la, nghĩ lý, hộc

赳 向忝全輻 赳

OM _ VAJRA RÀGÌ HOḤ

Tiếp đem hai quyền đều an ở cạnh eo lưng. Đây là **Ý Khí Kim Cương Ấn**. Chân Ngôn là (Nhìn bên trái mà làm)

Ấn, phộc nhật-la, nghiệt mê, hứ nễ

赳 向忝 乙互扛市

OM VAJRA KÀMA HINI

Tiếp như thế kéo cung lúc trước, hơi hướng xuống dưới, nhu nhuyễn làm. Đây là **Ý Sinh Kim Cương Nữ Ấn**. Chân Ngôn là:

Nhược, phộc nhật-la, niết-ly sắt-trí, sa dã kế, ma

切 向忝味浊 屹伏了 互誑

JAḤ VAJRA DRṢṬI SAYAKE MAṬ

Tiếp như thế ôm lúc trước, nhu nhuyễn làm. Đây là **Kế Lý Kim Cương Nữ Ấn**. Chân Ngôn là:

Hồng, phộc nhật-la, kế lý chỉ lệ, hồng

猪 向忝 七印七同 猪

HÙM _ VAJRA KÌLIKÌLE HÙM

Tiếp như **Tràng Ấn** lúc trước, đây là **Ái Kim Cương Nữ Ấn**. Chân Ngôn là:

Tông, phộc nhật-la nê, tát-ma la, la tra

圳 向忽仗 槽先 先誑

VAM _ VAJRINI SMÀRA RAṬ

Tiếp như trước, an hai quyền bên cạnh eo lưng. Đây là **Ý Khí Kim Cương Ấn**. Chân Ngôn là:

Hộc, phộc nhật-la, ca mê thất-phộc lý, đát-lam

赳 向忝 乙伙鄣刑 鉞

HOḤ _ VAJRA KÀME'SVARE TRÀM

Tiếp đem Phộc (Kim Cương Phộc Ấn) bung lên trên. Đây là **Thời Xuân Ấn**. Chân Ngôn là:
Ấn, phộc nhật-la, bố sắt-bế

𨳉 向忝 旦廔

OM _ VAJRA PUṢPE

Tiếp hai lần bung xuống dưới. Đây là **Thời Vũ Ấn**. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, độ bế

𨳉 向忝 鉞本

OM _ VAJRA DHUPE

Tiếp dùng Phộc (Kim Cương Phộc Ấn) để hai Không (2 ngón cái) vịn đầu nhau, đem an giữa hai mắt. Đây là **Thời Thu Kim Cương Ấn**. Chân Ngôn là

Ấn, phộc nhật-la, lộ kế

𨳉 向忝 𣎵吐了

OM _ VAJRA ÀLOKE

Tiếp hai lần xoa bôi ngực. Đây là **Thời Đông Kim Cương Ấn**. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, hiến đề

𨳉 向忝 𣎵秧

OM _ VAJRA GANDHE

Tiếp dùng **Câu** trước, đây là **Sắc Ấn**, Chân Ngôn như trước (Dùng phần trên đồng với lúc trước, chỉ chữ tiếng của nữ là khác)

Tiếp như **Sách**. Đây là **Thanh Ấn**, Chân Ngôn như trước

Tiếp như **Tỏa** trước, đây là **Hương Ấn**

Tiếp như **Linh** trước, đây là **Vị Ấn**

Sắc Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, ương cú thủy, nhược

𨳉 向𨳉乃在切

OM _ VAJRA AMKU'SE JAḤ

Thanh Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, bả thế, hồng

𨳉 向忝 扒在猪

OM _ VAJRA PÀ'SE HÙM

Hương Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, thương ca lệ, tông

𨳉 向忝 奸一刑 圳

OM _ VAJRA 'SAMKARE VAM

Vị Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, kiện tai, hộc

𨳉 向忝 子戈 𨳉

OM _ VAJRA GHAMṬE HOḤ

Tiếp **Kim Cương Vương Ấn** như trước. Đem quyền phải hướng vào thân xoay chuyển, 12 lần cao tiếng tụng Chân Ngôn, liền hay chấn động mười phương Thế Giới, tất cả Phật Bồ Tát gia trì Hành Nhân mau cho Tất Địa. Chân Ngôn là:

Tra chỉ, hộc, nhược

𨳉 𨳉 獨切

